

Số: **88** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **19** tháng 4 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 05/3/2019 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang, từ ngày 11/3/2019 đến hết ngày 21/3/2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang; Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang; Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc tỉnh An Giang; Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang; Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường Mỹ Long, UBND xã Mỹ Hòa Hưng, UBND phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời kỳ thanh tra từ 01/01/2017 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/4/2019 của Trưởng đoàn thanh tra,

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

A. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI, TRỢ GIÚP ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ LÀ TRẺ EM ĐÃ ĐƯỢC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

I. Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, của cơ quan chủ quản về thực hiện các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em

- Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh An Giang đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em (*chi tiết tại Phụ lục số 01: Danh mục văn bản kèm theo*).

- Là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là LĐTBXH) đã ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác nuôi con nuôi, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em làm căn cứ để các cấp, các ngành triển khai, thực hiện (*chi tiết tại Phụ lục số 01: Danh mục văn bản kèm theo*).

- Là cơ quan trực tiếp nuôi dưỡng, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang, Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc tỉnh An Giang, Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang đã ban hành các văn bản, nội quy, quy

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT

PHYSICS 311

8A

88

PROBLEM SET 1

Due: Monday, September 14, 1998

1. A particle of mass m moves in a circular path of radius r with constant speed v .

(a) Find the magnitude of the acceleration.

(b) Find the direction of the acceleration.

(c) Find the magnitude of the force.

(d) Find the direction of the force.

(e) Find the work done by the force.

(f) Find the power delivered by the force.

(g) Find the angular momentum.

(h) Find the torque.

(i) Find the energy.

(j) Find the momentum.

(k) Find the position.

(l) Find the velocity.

(m) Find the acceleration.

(n) Find the force.

(o) Find the work.

(p) Find the power.

(q) Find the energy.

(r) Find the momentum.

(s) Find the position.

(t) Find the velocity.

(u) Find the acceleration.

(v) Find the force.

(w) Find the work.

(x) Find the power.

(y) Find the energy.

(z) Find the momentum.

(aa) Find the position.

(ab) Find the velocity.

(ac) Find the acceleration.

(ad) Find the force.

(ae) Find the work.

(af) Find the power.

(ag) Find the energy.

(ah) Find the momentum.

(ai) Find the position.

(aj) Find the velocity.

(ak) Find the acceleration.

(al) Find the force.

chế về tổ chức và hoạt động, cụ thể như: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế hội nghị người lao động, Quy chế đối thoại định kỳ, Nội quy lao động.

II. Kết quả triển khai các quy định về nuôi con nuôi

1. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh

Thực hiện chức năng tham mưu cho UBND tỉnh trong việc triển khai các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, Sở Tư pháp đã tổ chức hội nghị triển khai Luật Nuôi con nuôi, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện; đội ngũ tuyên truyền viên thuộc hệ thống công đoàn; phối hợp với các Sở, ban, ngành hữu quan tổ chức hội thi “*Công chức tư pháp - Hộ tịch giỏi*” nhằm đánh giá thực trạng trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật của công chức tư pháp, hộ tịch cấp xã để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sát với tình hình thực tế; lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến Luật Hộ tịch, Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành tại 02 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho 176 hội viên Hội Nông dân; tổ chức 02 hội nghị triển khai Chương trình hành động Quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch 2017- 2024 (01 hội nghị do Sở Tư pháp tổ chức và 01 hội nghị do UBND huyện Thoại Sơn tổ chức) với 132 lượt người tham dự.

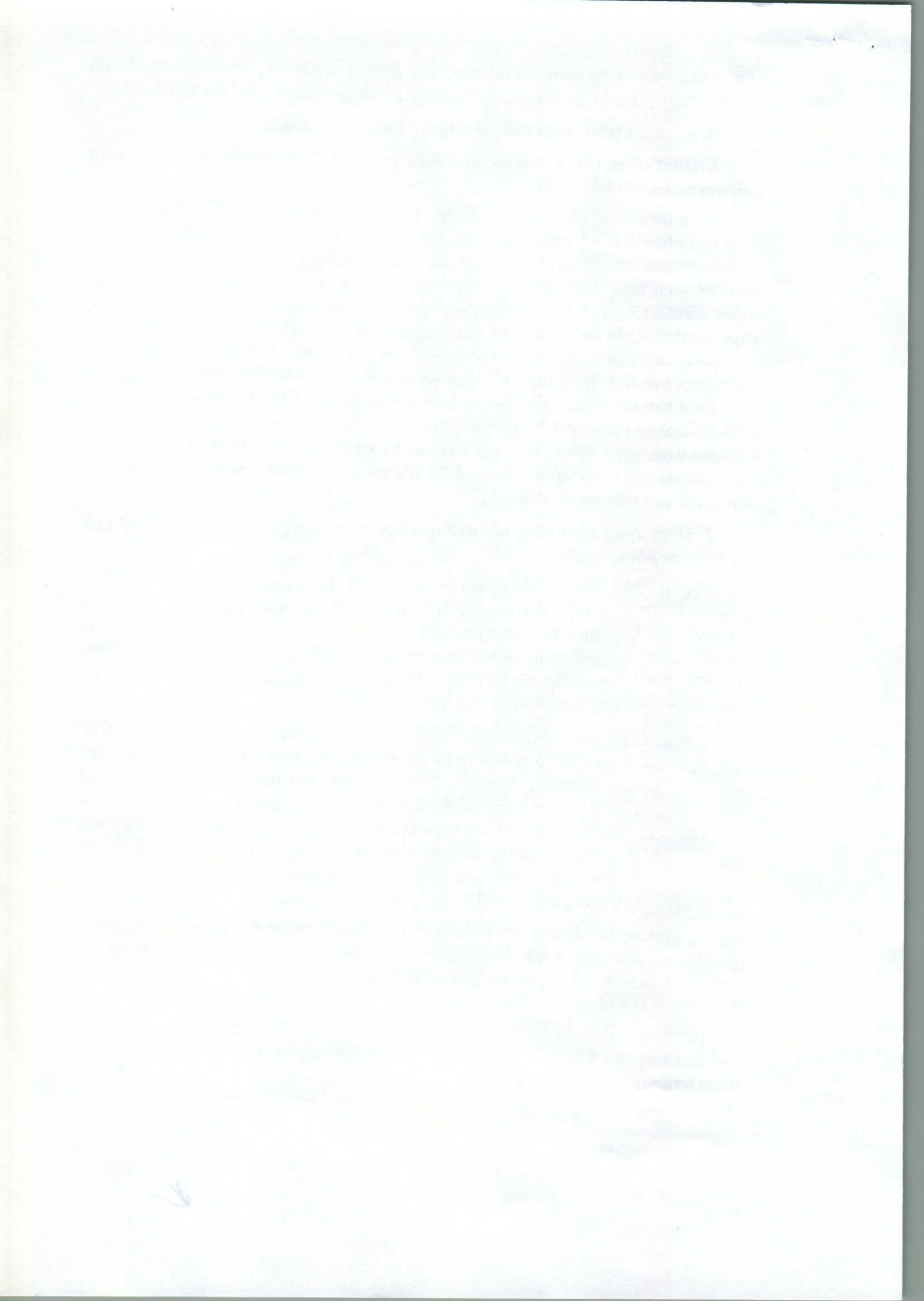
2. Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tư pháp, hộ tịch

- Năm 2017, Sở Tư pháp ban hành và triển khai Kế hoạch số 71/KH-STP ngày 02/6/2017 về việc tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang, kết quả đã tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch, thời gian 06 ngày, từ ngày 24 đến 29/7/2017 với 184 công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch tham gia, cấp 181 chứng chỉ cho công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch.

- Năm 2018, Sở Tư pháp ban hành và triển khai Kế hoạch số 62/KH- STP ngày 09/4/2018 về việc tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ năm 2018, cụ thể: Phối hợp với Trường Trung cấp Luật Vị Thanh tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch, thời gian 05 ngày, từ ngày 08/5/2018 đến ngày 12/5/2018 với 324 lượt học viên tham gia (trong đó có 156 học viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách công tác hộ tịch). Kết thúc khóa bồi dưỡng có 64 học viên được cấp chứng chỉ, 103 học viên được cấp giấy xác nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch năm 2018.

- Nội dung bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo theo Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch tại cấp huyện và cấp xã do Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 2247/QĐ-BTP ngày 25/12/2015. Đến thời điểm thanh tra, 100% công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch trên địa bàn tỉnh đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

3. Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về nuôi con nuôi



3.1. Công tác kiểm tra

- Năm 2017: Sở Tư pháp ban hành và triển khai Kế hoạch số 42/KH-STP ngày 20/3/2017 về kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi tại 11 đơn vị cấp huyện, 11 đơn vị cấp xã.

- Năm 2018: Sở Tư pháp ban hành và triển khai Kế hoạch số 17/KH-STP ngày 12/01/2018 về kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, bồi thường nhà nước và giao dịch bảo đảm tại 05 đơn vị cấp huyện, 05 đơn vị cấp xã.

3.2. Công tác thanh tra

- Năm 2017, Sở Tư pháp ban hành và triển khai Quyết định số 58/QĐ-STP ngày 10/4/2017 về việc thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hộ tịch tại 14 đơn vị cấp xã.

- Năm 2018, Sở Tư pháp tiến hành thanh tra chuyên ngành về hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi tại 08 đơn vị cấp xã.

3.3. Kết quả công tác kiểm tra, thanh tra

- Các đơn vị được kiểm tra, thanh tra về cơ bản đã thực hiện đúng quy định pháp luật về hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi.

- Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những thiếu sót, hạn chế như: Việc bố trí cán bộ làm công tác tư pháp - hộ tịch tại các đơn vị được kiểm tra chưa phù hợp, công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch chưa đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có đơn vị còn ký hợp đồng lao động với người làm công tác tư pháp - hộ tịch.

4. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan hữu quan trong hoạt động giải quyết việc nuôi con nuôi

Là cơ quan được giao chủ trì thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang (ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh An Giang), Sở Tư pháp đã chủ động phối hợp với Sở LĐTBXH, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở Y tế, UBND cấp huyện, cấp xã, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh trong việc triển khai, giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về nuôi con nuôi

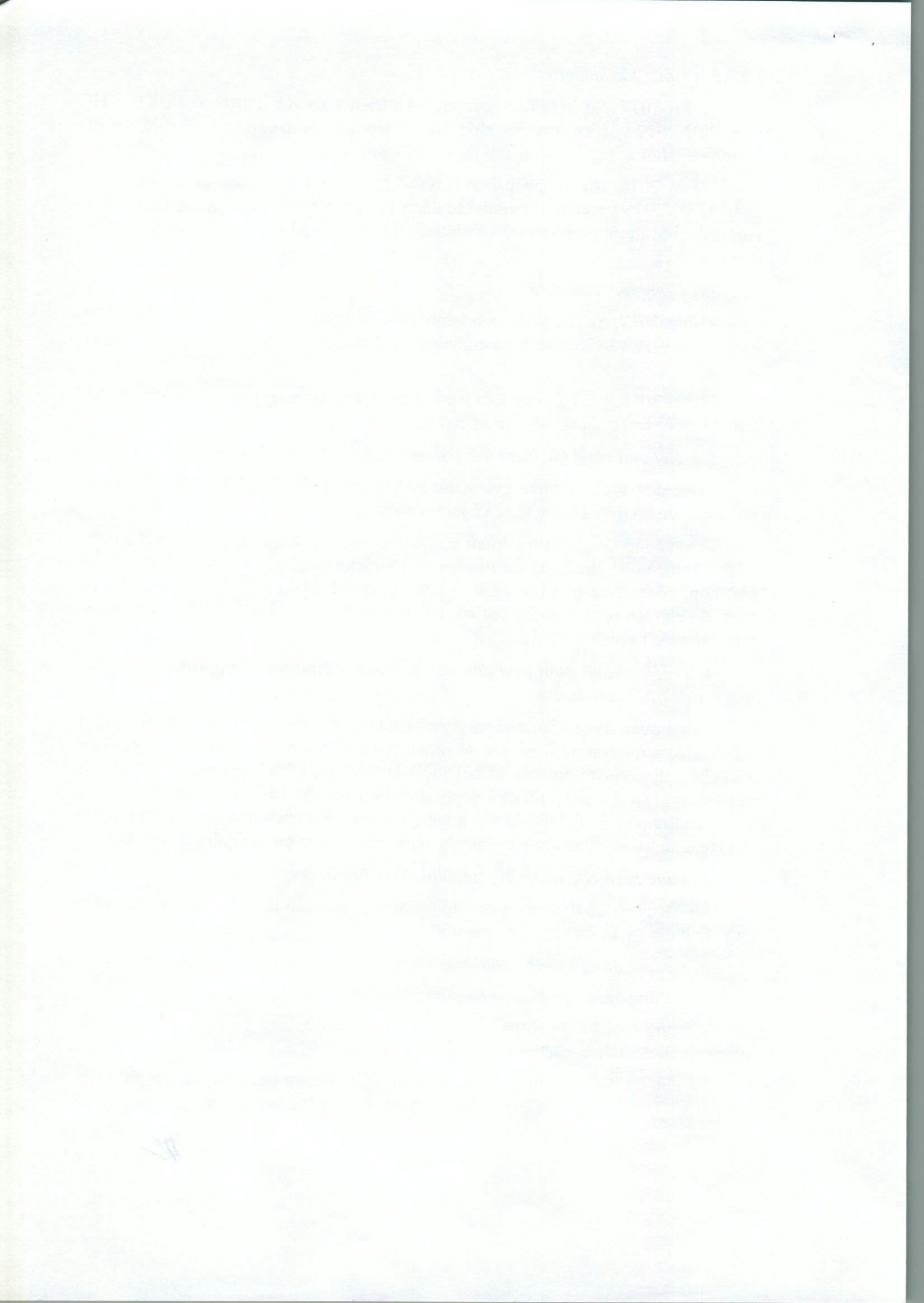
Sở Tư pháp đã thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

6. Kết quả đăng ký việc nuôi con nuôi

6.1. Đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh An Giang có 06 trẻ được người nước ngoài nhận làm con nuôi (*cụ thể tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

- Kiểm tra hồ sơ nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Sở Tư pháp (05 hồ sơ) và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang (01 hồ sơ), 02 đơn vị này đã



thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

6.2. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

- Trong thời kỳ thanh tra, tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang, Trung tâm Giáo dục trẻ em mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên, UBND phường Mỹ Long, UBND xã Mỹ Hòa Hưng, UBND phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên có 15 trẻ được công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam nhận làm con nuôi (*cụ thể tại Phụ lục số 03 kèm theo*).

- Kiểm tra hồ sơ của trẻ được nhận làm con nuôi tại UBND phường Mỹ Long, UBND xã Mỹ Hòa Hưng (01 hồ sơ), UBND xã Mỹ Hòa Hưng (02 hồ sơ), Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang (08 hồ sơ), 04 đơn vị này đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi trong nước.

7. Quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký nuôi con nuôi

Sở Tư pháp và đơn vị được thanh tra có hoạt động nuôi con nuôi đã thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng lệ phí nuôi con nuôi theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

III. Kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về trợ giúp các đối tượng là trẻ em tại các cơ sở bảo trợ xã hội được thanh tra

1. Thông tin chung về các cơ sở bảo trợ xã hội được thanh tra

1.1. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Trung tâm Bảo trợ xã hội)

1.1.1. Năm thành lập: Trung tâm bảo trợ xã hội được thành lập theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc hợp nhất Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm hỗ trợ xã hội thành Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang trực thuộc Sở LĐTBXH tỉnh An Giang.

1.1.2. Địa chỉ trụ sở: Tổ 8, đường Trần Khắc Chung, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.1.3. Thông tin liên lạc: Số điện thoại: 0296.392.316; Email: ttbaotroxahoiag@gmail.com

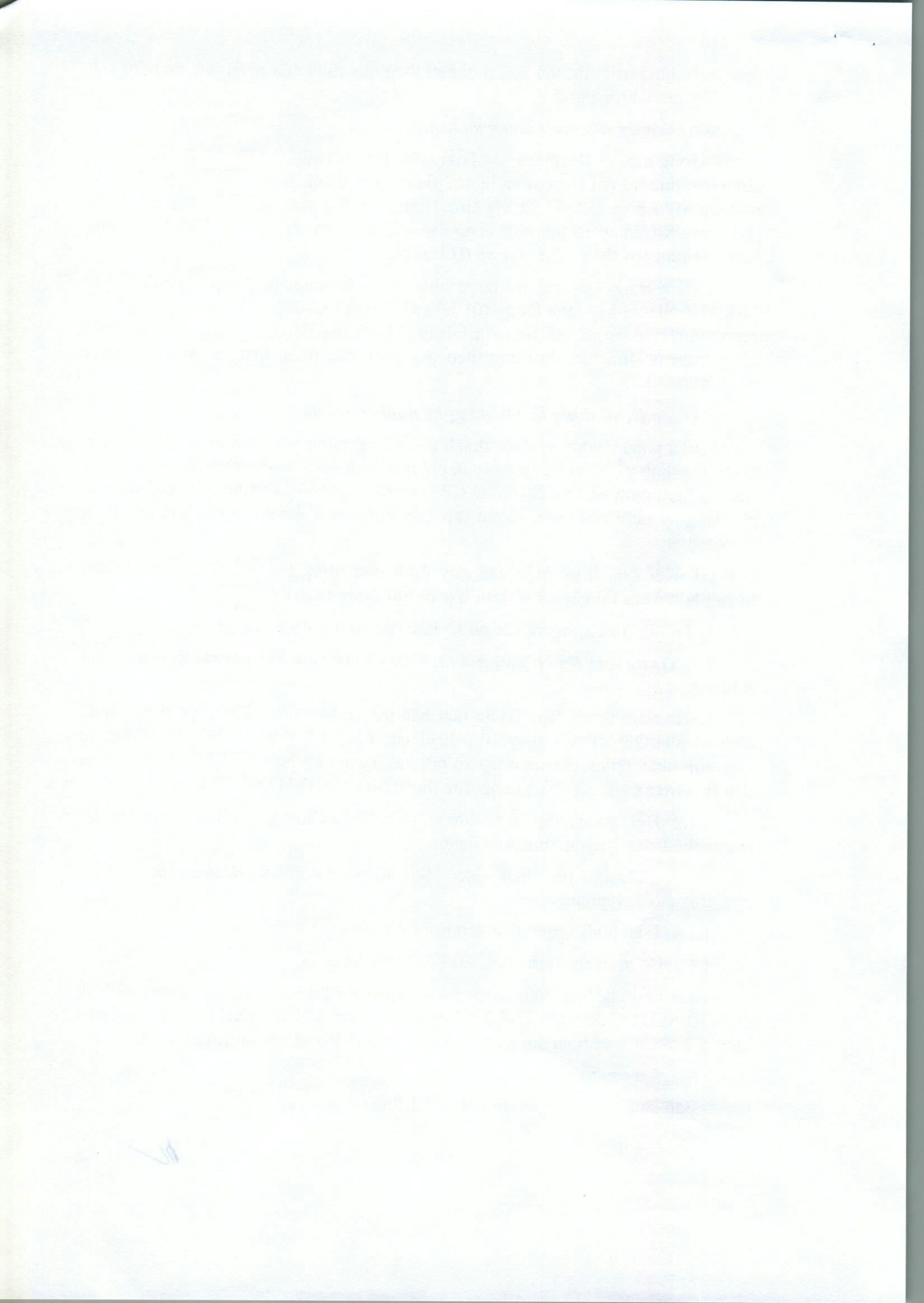
1.1.4. Loại hình Trung tâm bảo trợ: Công lập.

1.1.5. Cơ quan chủ quản: Sở LĐTBXH tỉnh An Giang.

1.1.6. Quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ: Theo quy định tại Quyết định số 107/QĐ-SLĐTBXH ngày 25/5/2011 của Giám đốc Sở LĐTBXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang.

1.1.7. Cơ cấu tổ chức:

- Ban lãnh đạo gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.



- Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động tại Trung tâm: 39 người (18 nam, 21 nữ), bao gồm 01 công chức, 15 viên chức và 23 lao động hợp đồng; 23 người làm công tác trực tiếp chăm sóc đối tượng, 10 người làm công tác phục hồi chức năng, văn hóa, dạy nghề và 06 người làm công tác gián tiếp.

- Trung tâm có 05 phòng nghiệp vụ, gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán; Phòng Y tế, chăm sóc sức khỏe; Phòng Tư vấn - Giáo dục - Dạy nghề; Phòng Nuôi dưỡng; Phòng Bảo vệ, quản lý đối tượng.

1.2. Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc

1.2.1. Năm thành lập: Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc được thành lập theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 19/9/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc cho phép thành lập Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc.

1.2.2. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Vĩnh Mỹ, khóm Châu Long 1, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

1.2.3. Thông tin liên lạc: Số điện thoại: 02963.869.117; Email: thuhong2013@yahoo.com.vn

1.2.4. Loại hình: Ngoài công lập.

1.2.5. Cơ quan chủ quản: Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang.

1.2.6. Quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ: Theo quy định tại Quyết định số 517/QĐ-HCTĐAG ngày 26/12/2013 của Ban thường vụ Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi thuộc Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang.

1.2.7. Cơ cấu tổ chức:

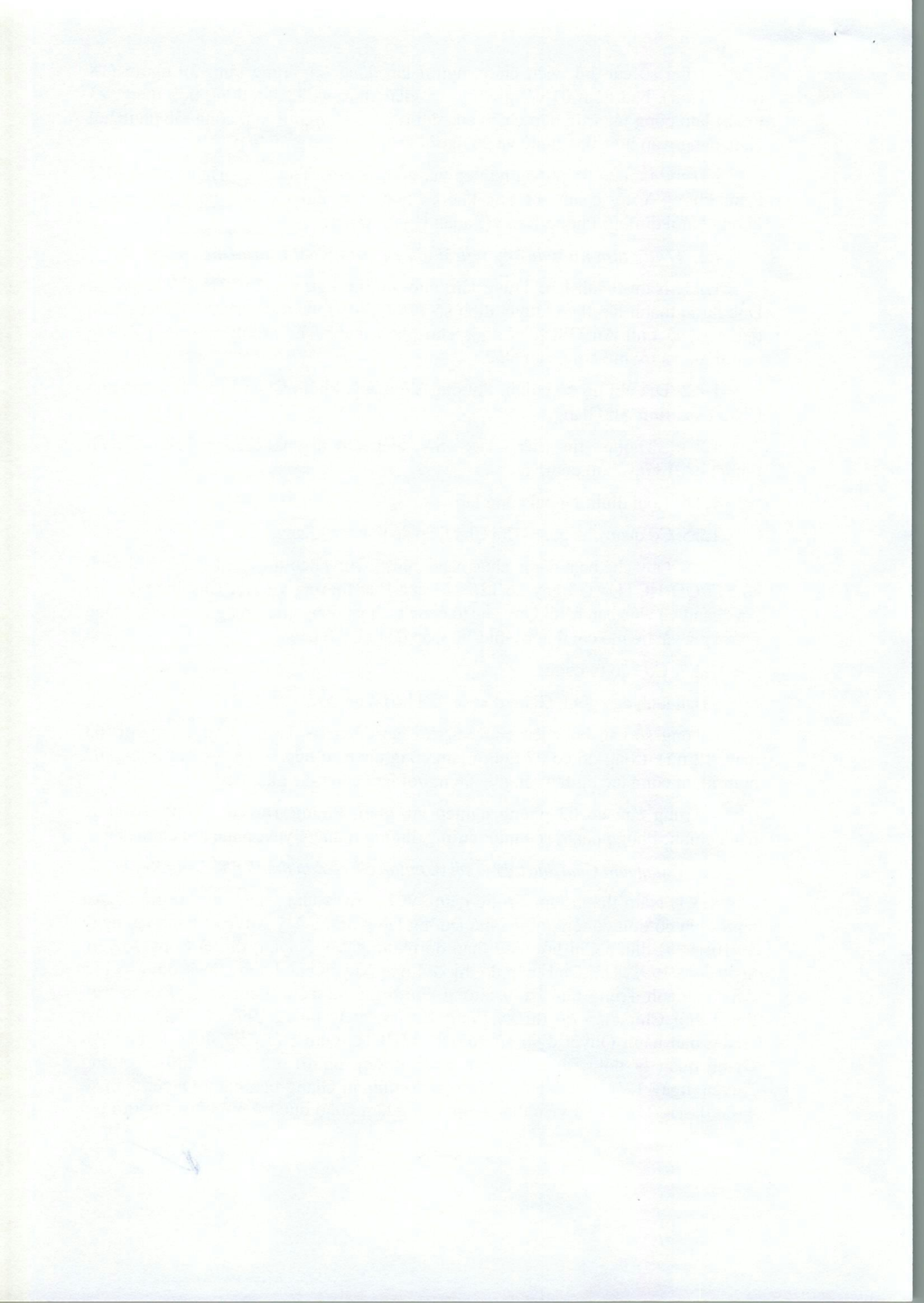
- Ban lãnh đạo gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động tại Trung tâm: 15 người (03 nam, 12 nữ), trong đó có 07 người làm công tác trực tiếp chăm sóc đối tượng, 02 người làm công tác dinh dưỡng và 06 người làm công tác gián tiếp.

- Trung tâm có 03 phòng nghiệp vụ, gồm: Phòng Tài vụ; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng chăm sóc nuôi dưỡng, hướng nghiệp, y tế, phục hồi chức năng.

1.3. Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên

1.3.1. Năm thành lập: Trước năm 1992, Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn có tên gọi là Nhà Dưỡng lão phường Mỹ Xuyên (thành lập ngày 20/10/1989) thuộc Chi hội Chữ thập đỏ phường Mỹ Xuyên, thị xã Long Xuyên; ngày 24/8/1992, Hội Chữ thập đỏ thị xã Long Xuyên ban hành Quyết định số 135 đổi tên thành Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Long Xuyên trực thuộc Hội Chữ thập đỏ thị xã Long Xuyên; ngày 04/12/1996, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 1671/QĐ.UB.TC giao Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang quản lý đối với Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Long Xuyên; ngày 12/11/2013 Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 418/QĐ-HCTĐAG về việc thành lập Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già



cô đơn thành phố Long Xuyên thay cho Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Long Xuyên.

1.3.2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 19A, đường Ngô Văn Sở, khóm Đông An, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.3.3. Thông tin liên lạc: Điện thoại: 02966.572.648 - 02963.843.059; Email: nuoitremocoi@gmail.com

1.3.4. Loại hình: Ngoài công lập.

1.3.5. Cơ quan chủ quản: Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang.

1.3.6. Quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ: Theo quy định tại Quyết định số 517/QĐ-HCTĐAG ngày 26/12/2013 của Ban thường vụ Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên.

1.3.7. Về cơ cấu tổ chức:

- Ban lãnh đạo gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc.

- Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 17 người (06 nam, 11 nữ), trong đó 04 người làm công tác trực tiếp chăm sóc đối tượng, 03 người làm công tác dinh dưỡng; 04 người làm công tác phục hồi chức năng, văn hóa, dạy nghề và 06 người làm công tác gián tiếp.

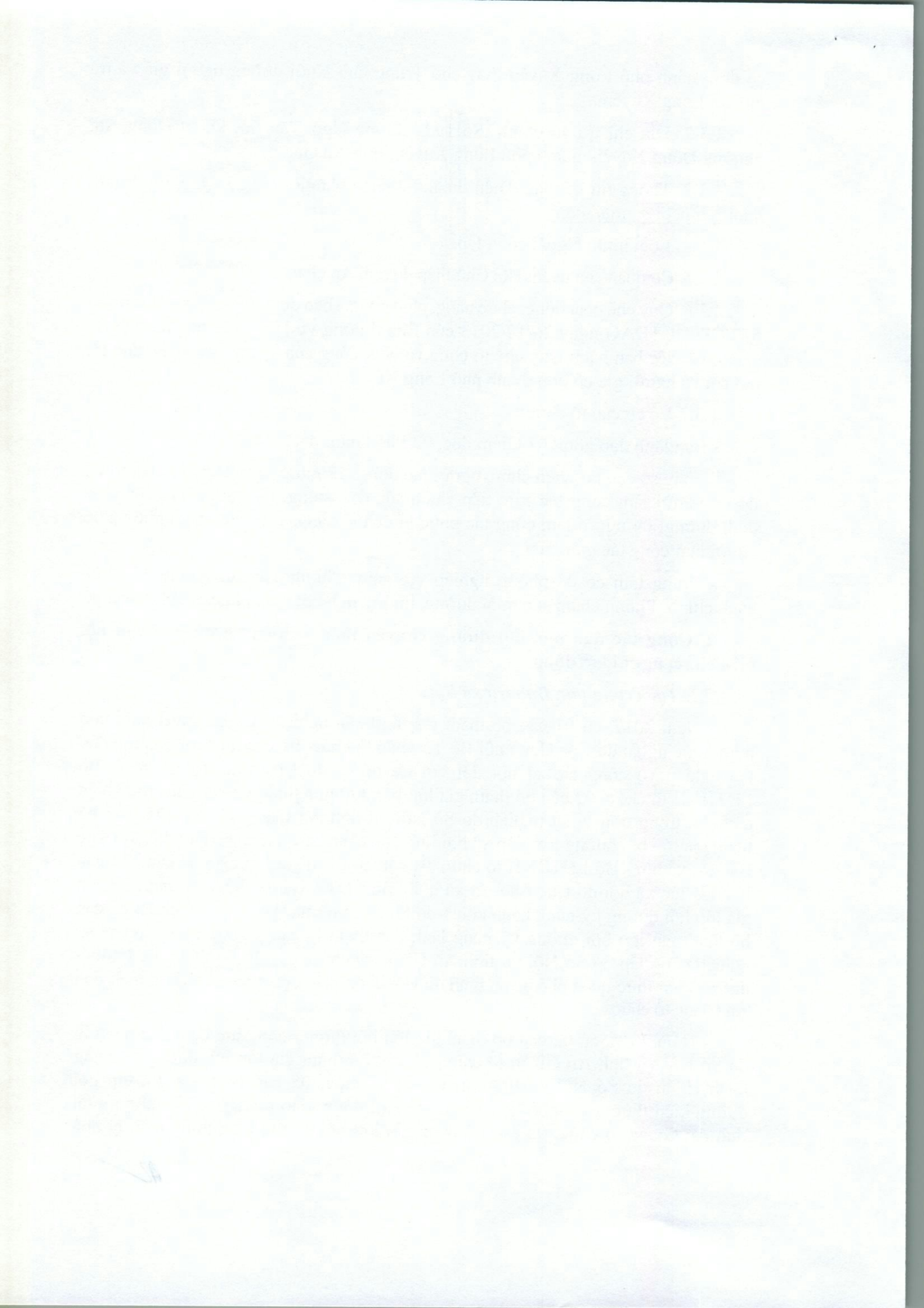
- Trung tâm có 03 phòng nghiệp vụ, gồm: Phòng Tài vụ; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng chăm sóc nuôi dưỡng, hướng nghiệp, y tế, phục hồi chức năng.

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức, người lao động

2.1. Tại Trung tâm Bảo trợ xã hội

- Năm 2017, cử 01 cán bộ tham gia tập huấn nghiệp vụ giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài do Cục Con nuôi Bộ Tư pháp tổ chức; 01 cán bộ tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ công tác xã hội đối với trẻ tự kỷ do Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐTBXH tổ chức; 02 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thực hiện dân chủ trong đơn vị sự nghiệp do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức; 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng trợ giúp xã hội lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần do Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐTBXH tổ chức; 01 cán bộ tham gia lớp đào tạo cán bộ quản lý công tác xã hội do Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐTBXH tổ chức; 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng hành chính do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức; 02 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức; 03 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh do Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh tỉnh An Giang tổ chức.

- Năm 2018, cử 02 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng năng lực lãnh đạo quản lý do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức; 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng hành chính do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức; 05 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh do Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh tỉnh An Giang tổ chức; 02 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà



nước chương trình chuyên viên do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức; 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng làm việc do Sở Nội vụ tỉnh An Giang tổ chức.

2.2. Tại Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm đã cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn kiến thức bảo mẫu, lớp dạy chế biến món ăn, lớp vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.3. Tại Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm đã cử cán bộ tham gia lớp tập huấn công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, lớp tập huấn về công tác xã hội, lớp tập huấn về nghiệp vụ kế toán.

3. Các chế độ đối với cán bộ làm việc tại cơ sở bảo trợ xã hội được thanh tra

Đã thực hiện nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn theo quy định; thực hiện chế độ phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

4. Về cơ sở vật chất

- 03 Trung tâm có môi trường thoáng mát, cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tổng diện tích Trung tâm Bảo trợ xã hội là 10.971,4 m², gồm: Khu nhà làm việc của cán bộ, nhân viên; khu nhà y tế; khu bếp, nhà ăn; khu nhà chăm sóc trẻ em; khu nhà chăm sóc các đối tượng khác; khu nhà dành riêng chăm sóc đối tượng tâm thần; khu nhà quản lý đối tượng lang thang; nhà tang lễ; khu vui chơi cho các đối tượng.

- Tổng diện tích Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc là 2.000m², gồm: Khu nhà làm việc của cán bộ, nhân viên; khu nhà y tế; khu bếp, nhà ăn; khu nhà chăm sóc trẻ em; khu nhà chăm sóc các đối tượng khác; nhà tang lễ.

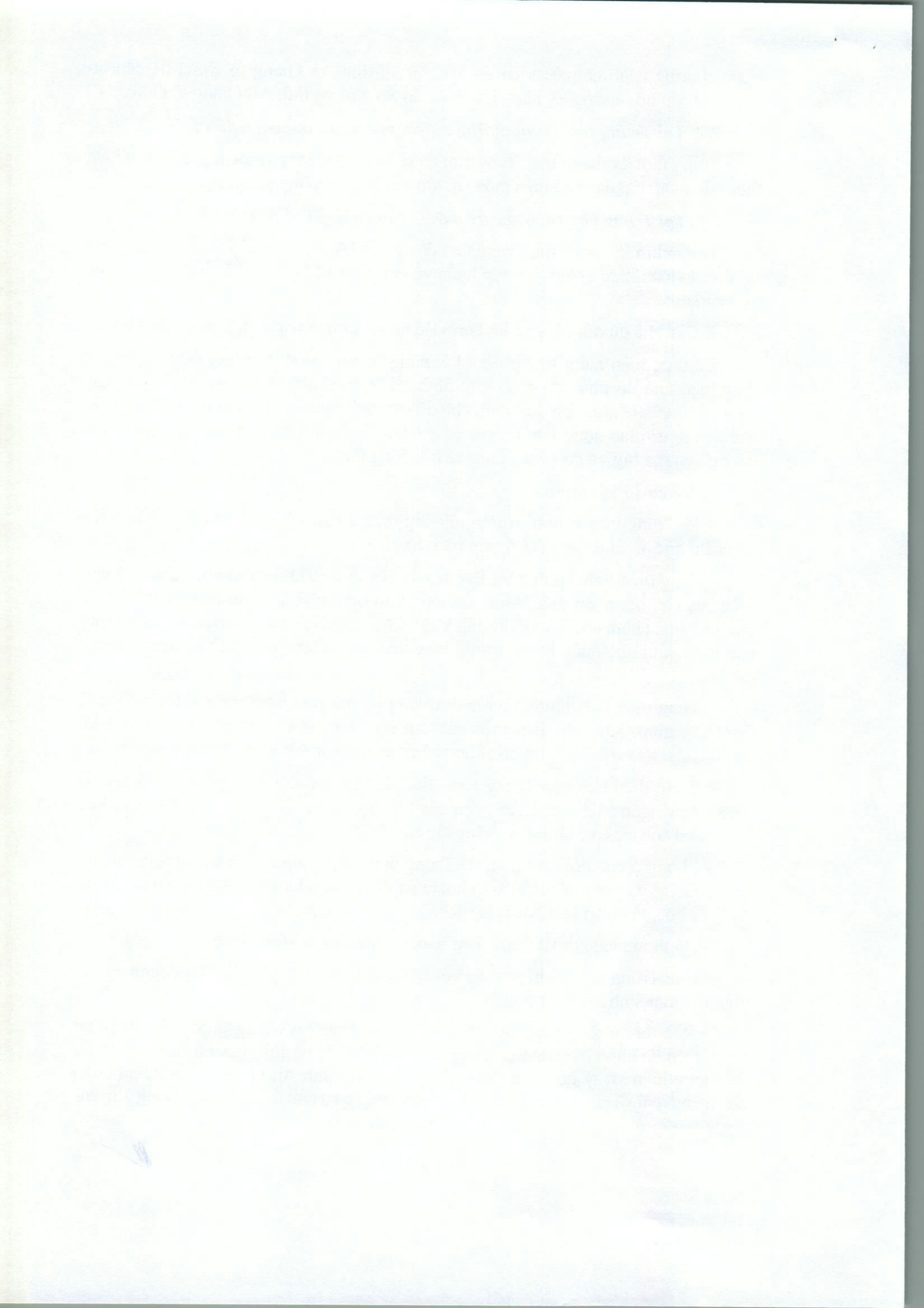
- Tổng diện tích của Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn là 2.787,9 m², gồm: Khu nhà làm việc của cán bộ, nhân viên; khu bếp, nhà ăn; khu nhà chăm sóc trẻ em; khu nhà chăm sóc các đối tượng khác; nhà tang lễ.

- Phòng ở của đối tượng tại 03 Trung tâm đảm bảo về diện tích, trang thiết bị trong phòng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của đối tượng. Đối với những phòng có trẻ đang đi học đã bố trí bàn học, giá sách.

- Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo, đường đi nội bộ sạch sẽ.

- Các Trung tâm ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị An Giang về thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày.

- Rác thải y tế: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang thực hiện xử lý tại Bệnh viện đa khoa An Giang; Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc thực hiện xử lý tại Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh An Giang; Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn thực hiện xử lý tại Trạm Y tế phường Đông Xuyên.



5. Việc tiếp nhận, quản lý đối tượng là trẻ tại các trung tâm

- Trung tâm Bảo trợ xã hội:

+ Năm 2017, Trung tâm tiếp nhận, nuôi dưỡng 75 trẻ, trong đó: 64 trẻ nam, 11 trẻ nữ; 51 trẻ dừng nuôi dưỡng trở về địa phương, hòa nhập cộng đồng; 04 trẻ được gia đình, cá nhân trong nước nhận nuôi; 01 trẻ được cá nhân, gia đình người nước ngoài nhận nuôi; 13 trẻ bỏ trốn; 06 trẻ thuộc diện lang thang chuyên sang nuôi dưỡng thường xuyên; 04 trẻ chuyển diện đối tượng do hết độ tuổi trẻ em.

+ Năm 2018, Trung tâm tiếp nhận, nuôi dưỡng 36 trẻ, trong đó: 29 trẻ nam, 07 trẻ nữ; 18 trẻ dừng nuôi dưỡng trở về địa phương, hòa nhập cộng đồng; 04 trẻ được gia đình, cá nhân trong nước nhận nuôi; 11 trẻ bỏ trốn; 03 trẻ thuộc diện lang thang chuyên sang nuôi dưỡng thường xuyên; 03 trẻ chuyển diện đối tượng do hết độ tuổi trẻ em; 01 trẻ chết.

- Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc:

+ Năm 2017, Trung tâm tiếp nhận, nuôi dưỡng 04 trẻ, trong đó: 03 trẻ nam, 01 trẻ nữ; 01 trẻ dừng nuôi dưỡng trở về địa phương, hòa nhập cộng đồng.

+ Năm 2018, Trung tâm nuôi dưỡng 03 trẻ (không tiếp nhận mới), trong đó: 03 trẻ nam; 01 trẻ dừng nuôi dưỡng trở về địa phương, hòa nhập cộng đồng.

- Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn:

+ Năm 2017, Trung tâm tiếp nhận, nuôi dưỡng 05 trẻ, trong đó: 04 trẻ nam, 01 trẻ nữ.

+ Năm 2018, Trung tâm tiếp nhận, nuôi dưỡng 07 trẻ, trong đó: 05 trẻ nam, 02 trẻ nữ; 02 trẻ được gia đình, cá nhân trong nước nhận nuôi; 01 trẻ bỏ trốn; 01 trẻ chết (tại thời điểm thanh tra, Trung tâm nuôi dưỡng 03 trẻ).

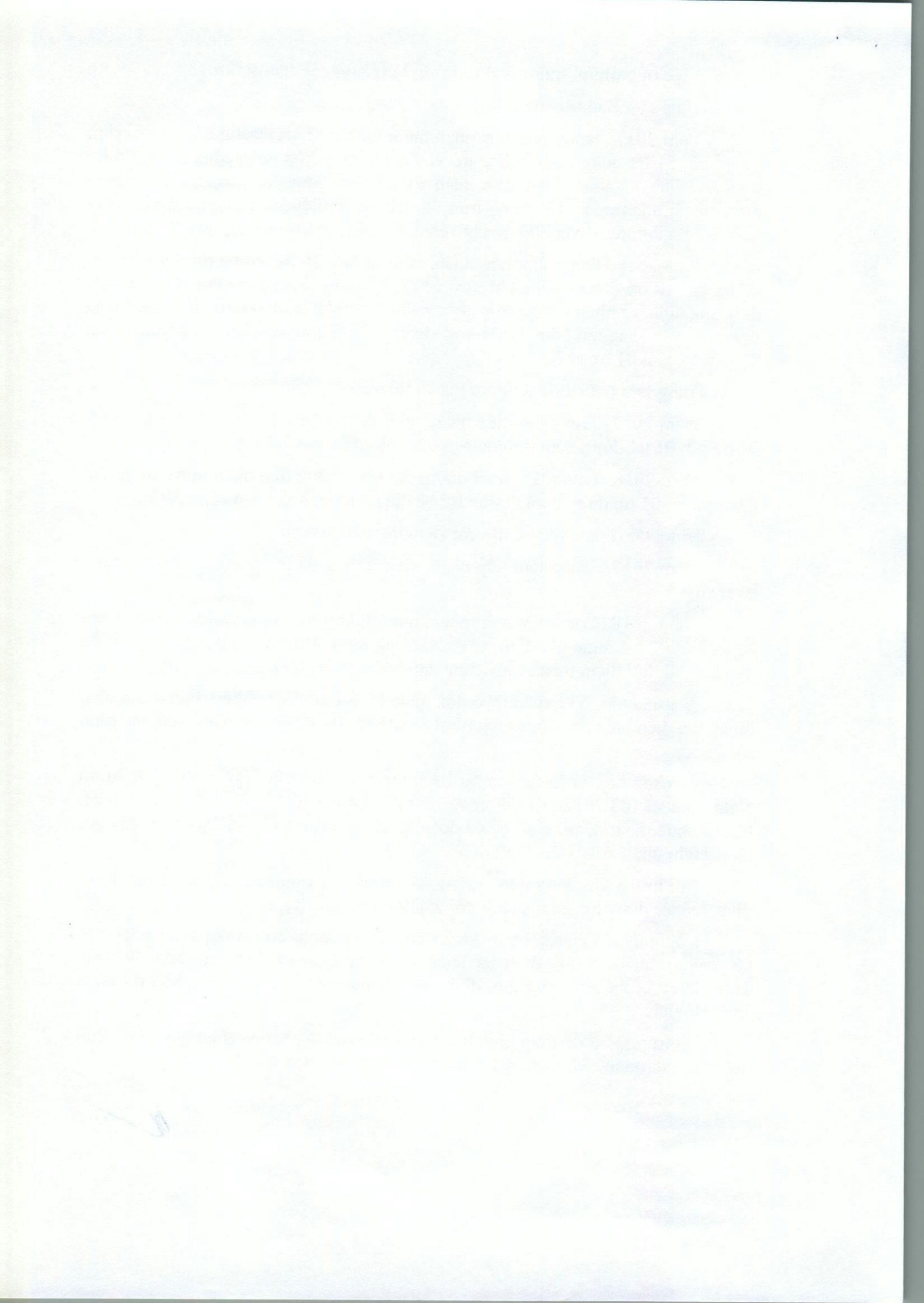
- 03 trung tâm đã mở sổ theo dõi, quản lý đối tượng; sổ theo dõi đã cập nhật thông tin, diễn biến của đối tượng (thời điểm vào, thời điểm ra, diễn biến tình hình sức khỏe).

- Thủ tục tiếp nhận trẻ em tại 03 trung tâm đảm bảo quy định tại Điều 40 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 103/2017/NĐ-CP).

- Đối tượng khi dừng nuôi dưỡng, Giám đốc 03 trung tâm đã ban hành quyết định về việc dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng theo quy định.

- Đã thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi được tiếp nhận vào các trung tâm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- 03 trung tâm đã thực hiện lưu hồ sơ của các đối tượng theo quy định; mỗi đối tượng được lưu hồ sơ riêng, thuận tiện trong theo dõi, tra cứu.



6. Về nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho đối tượng

6.1. Về nuôi dưỡng

- Trung tâm Bảo trợ xã hội áp dụng mức tiền ăn theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc áp dụng mức tiền chi mua thực phẩm 27.000 đồng/ngày/người (riêng gạo, chất đốt do các nhà hảo tâm tài trợ).

- Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn áp dụng mức tiền ăn 35.000 đồng/ngày/người (năm 2017); mức 50.000 đồng/ngày/người (năm 2018).

6.2. Về chăm sóc sức khỏe

- Trung tâm Bảo trợ xã hội: Cán bộ Phòng Y tế gồm 07 người, trong đó 05 người trình độ trung cấp, 02 người trình độ sơ cấp.

- Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc: Cán bộ Phòng Y tế gồm 02 người, trong đó 01 người trình độ trung cấp, 01 người trình độ sơ cấp.

- Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn: Cán bộ Phòng Y tế gồm 03 người, trong đó 02 người trình độ trung cấp, 01 người trình độ sơ cấp.

- 03 trung tâm có tủ thuốc, giường bệnh, dụng cụ y tế phục vụ việc xử lý sơ cấp cứu ban đầu, khám, chữa bệnh thông thường; bệnh nhân mắc bệnh nặng được chuyển lên bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang điều trị.

6.3. Về học văn hóa, học nghề

6.3.1. Trung tâm Bảo trợ xã hội

a. Học văn hoá:

- Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có 03 trẻ đang học văn hóa (01 trẻ học tiểu học, 01 trẻ học trung học cơ sở, 01 trẻ học trung học phổ thông).

- Kết quả học tập: 02 trẻ học tiểu học và trung học cơ sở xếp loại học tập trung bình năm 2017, 2018; 01 trẻ học trung học phổ thông xếp loại học tập khá năm 2018.

- Số trẻ em trong độ tuổi đi học nhưng chưa được đi học là 12 trẻ do các trẻ mắc các chứng bệnh không đủ khả năng đi học (khuyết tật đặc biệt nặng, não úng thủy, tâm thần).

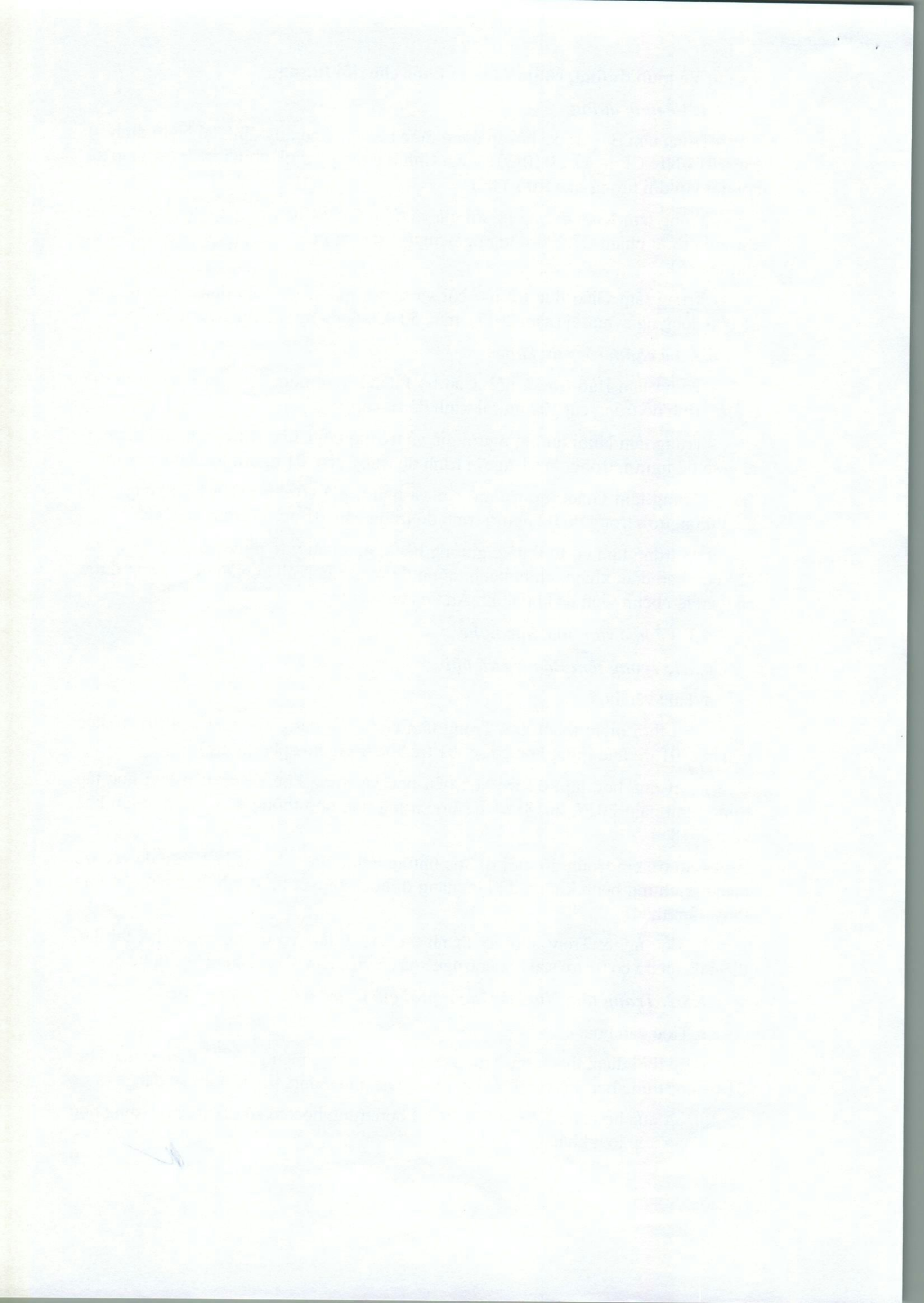
b. Học nghề: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm có 03 trẻ học nghề; tại thời điểm thanh tra có 01 trẻ sau khi học nghề đã có việc làm; 01 trẻ đang học nghề in.

6.3.2. Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc

a. Học văn hoá:

- Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có 02 trẻ học mẫu giáo, 02 trẻ học tiểu học, 01 trẻ học trung học cơ sở, 01 trẻ học trung học phổ thông, 01 trẻ học cao đẳng.

- Kết quả học tập: Năm 2018, 01 trẻ học trung học cơ sở, 01 trẻ học trung học phổ thông xếp loại khá.



b. Học nghề: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm không có trẻ học nghề.

6.3.3. Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn

a. Học văn hoá:

- Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có 01 trẻ học tiểu học.

- Kết quả học tập: Năm 2017, 2018, trẻ học tiểu học xếp loại khá.

- Học nghề: Trong thời kỳ thanh tra, tại Trung tâm không có trẻ học nghề.

7. Các biện pháp đảm bảo an toàn cho trẻ

03 trung tâm đã ban hành các quy chế về tiếp nhận, quản lý, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó có các đối tượng là trẻ em; quy chế trực ca nhằm đảm bảo an toàn cho các đối tượng.

8. Quản lý, sử dụng nguồn tài chính

8.1. Trung tâm Bảo trợ xã hội

- Năm 2017: Kinh phí được phân bổ: 5.583.559.023 đồng (trong đó số dư năm trước chuyển sang là 98.059.023 đồng, kinh phí chi thường xuyên: 3.163.000.000 đồng, kinh phí không thường xuyên: 2.305.000.000 đồng), kinh phí từ nguồn vận động, tài trợ: 17.500.000 đồng.

Kinh phí đã sử dụng: 5.536.044.221 đồng (trong đó chi từ nguồn thường xuyên: 3.163.000.000 đồng, chi từ nguồn không thường xuyên: 2.276.440.221 đồng, chi từ nguồn vận động, tài trợ: 96.604.000 đồng); nộp trả lại ngân sách: 28.559.789 đồng; số dư cuối năm từ nguồn tài trợ: 18.955.023 đồng. Tổng chi cho đối tượng là trẻ em: 330.963.288 đồng.

- Năm 2018: Kinh phí được phân bổ: 6.192.690.848 đồng (trong đó số dư năm trước chuyển sang là 18.955.023 đồng, kinh phí chi thường xuyên: 3.422.940.025 đồng, kinh phí không thường xuyên: 2.649.240.000 đồng), kinh phí từ nguồn vận động, tài trợ: 101.555.800 đồng.

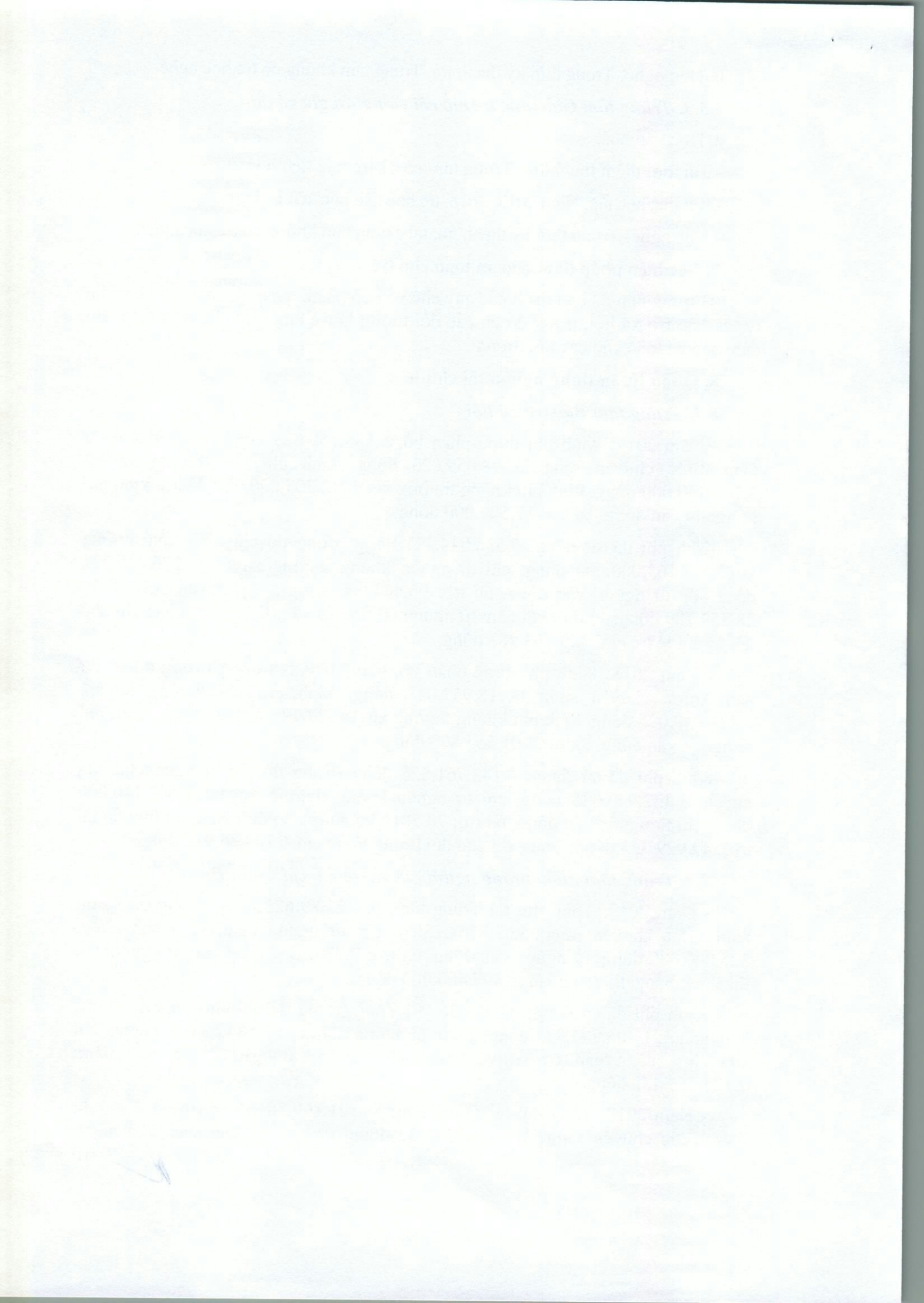
Kinh phí đã sử dụng: 6.142.761.525 đồng (trong đó chi từ nguồn thường xuyên: 3.422.940.025 đồng, chi từ nguồn không thường xuyên: 2.649.240.000 đồng, chi từ nguồn vận động, tài trợ: 70.581.500 đồng); số dư cuối năm (nguồn tài trợ): 49.929.323 đồng. Tổng chi cho đối tượng là trẻ em: 238.836.912 đồng.

8.2. Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc

- Năm 2017: Tổng thu tại Trung tâm: 9.172.689.623 đồng (trong đó số dư năm trước chuyển sang: 5.579.754.260 đồng; từ nguồn ngân sách nhà nước: 325.000.000 đồng; từ nguồn vận động, tài trợ: 2.770.535.363 đồng; từ nguồn cho thuê mặt bằng, kiot bán hàng: 497.400.000 đồng).

Kinh phí đã sử dụng: 2.047.436.191 đồng (trong đó chi cho hoạt động của Trung tâm: 1.306.777.334 đồng, chi nuôi dưỡng đối tượng: 584.533.000 đồng, chi sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất: 156.125.857 đồng); số dư cuối năm: 7.125.253.432 đồng.

- Năm 2018: Tổng thu tại Trung tâm: 11.121.199.881 đồng (trong đó số dư năm trước chuyển sang là 7.125.253.432 đồng, từ nguồn ngân sách nhà nước:



267.000.000 đồng, từ nguồn vận động, tài trợ: 3.006.082.449 đồng, từ nguồn cho thuê mặt bằng, kiot bán hàng: 722.964.000 đồng).

Kinh phí đã sử dụng: 2.000.021.592 đồng (trong đó chi cho hoạt động của Trung tâm: 1.134.468.361 đồng, chi nuôi dưỡng đối tượng: 731.583.545 đồng, chi sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất: 133.969.686 đồng); số dư cuối năm: 9.121.178.289 đồng.

8.3. Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn

- Năm 2017: Tổng thu tại Trung tâm: 5.833.396.671 đồng (trong đó số dư năm trước chuyển sang: 3.163.056.921 đồng, từ nguồn ngân sách nhà nước: 282.000.000 đồng, từ nguồn vận động, tài trợ: 2.115.283.750 đồng, từ nguồn cho thuê mặt bằng: 273.056.000 đồng).

Kinh phí đã sử dụng: 2.268.414.500 đồng (trong đó chi cho hoạt động của Trung tâm: 1.041.802.200 đồng, chi nuôi dưỡng đối tượng: 1.226.612.300 đồng); số dư cuối năm: 3.564.982.171 đồng. Tổng chi cho đối tượng là trẻ em: 245.322.500 đồng.

- Năm 2018: Tổng thu tại Trung tâm: 6.770.452.089 đồng (trong đó số dư năm trước chuyển sang: 3.564.982.171 đồng; từ nguồn ngân sách nhà nước: 402.000.000 đồng, từ nguồn vận động, tài trợ: 2.458.469.918 đồng; từ nguồn cho thuê mặt bằng: 345.000.000 đồng).

Kinh phí đã sử dụng: 2.495.303.600 đồng (trong đó chi cho hoạt động của Trung tâm: 1.382.686.800 đồng, chi nuôi dưỡng đối tượng: 1.112.616.800 đồng); số dư cuối năm: 4.275.148.489 đồng. Tổng chi cho đối tượng là trẻ em: 212.706.143 đồng.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

03 trung tâm đã thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

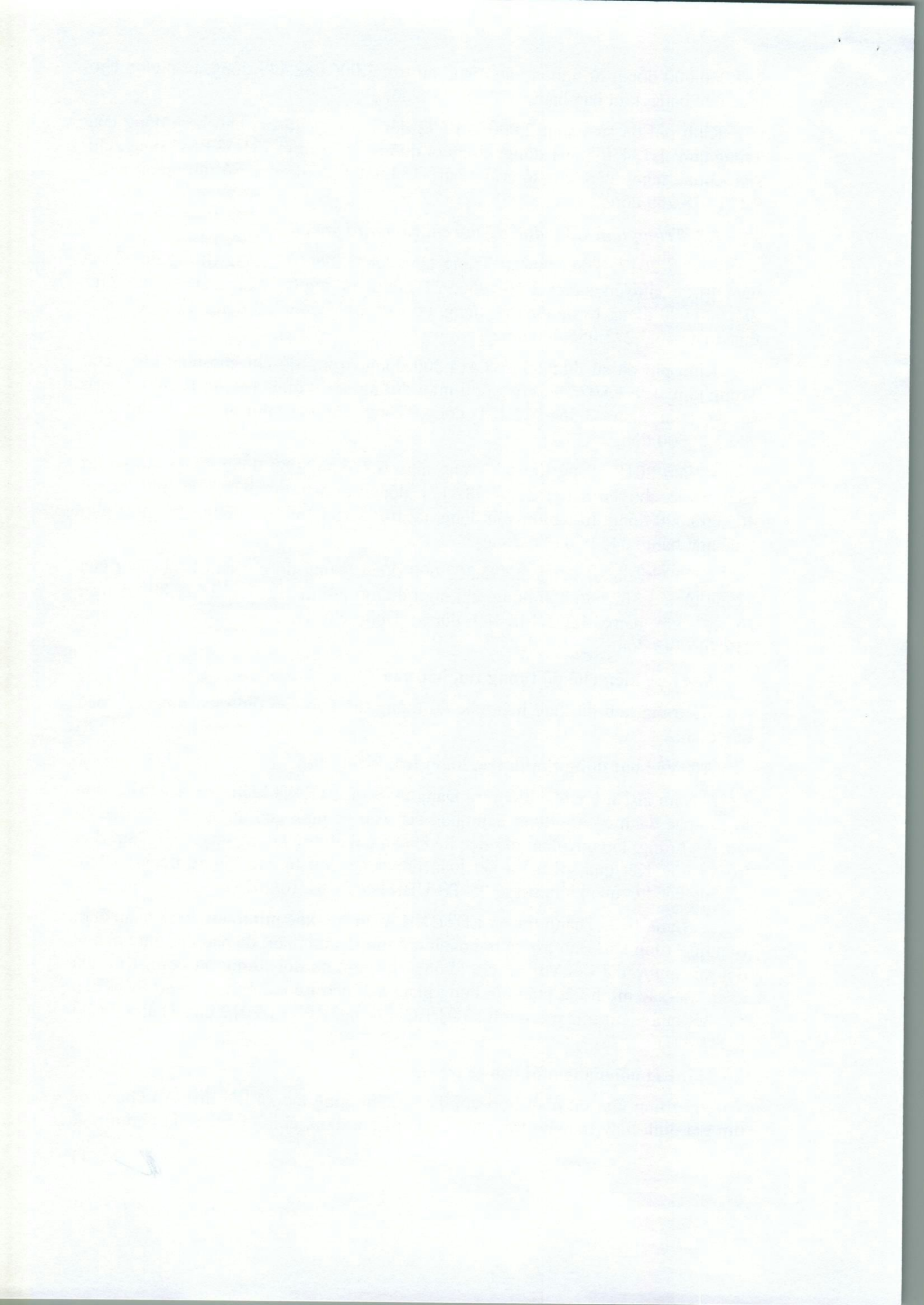
10. Về hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

- Năm 2018, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Sở LĐTBXH kiểm tra, xác minh đơn tố cáo nặc danh có nội dung liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi; bớt xén tiền ăn của đối tượng; lập quỹ đen; mở tiệc liên hoan chi 30 triệu đồng của Trung tâm Bảo trợ xã hội. Kết quả kiểm tra kết luận nội dung đơn tố cáo không đúng sự thật (Thông báo kết quả kiểm tra số 05-TB/UBKT ngày 01/10/2018).

- Năm 2018, Thanh tra Sở LĐTBXH kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh: Cán bộ Trung tâm Bảo trợ xã hội đánh đối tượng tâm thần; để hao phí thực phẩm; đối xử ngược đãi đối với 05 cụ; không cho một số đối tượng ăn cơm. Kết quả kiểm tra, xác minh kết luận nội dung phản ánh nêu trên không đúng sự thật (Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh số 04/BC-TTr ngày 08/01/2019 của Thanh tra Sở LĐTBXH).

11. Kết nối mạng lưới bảo vệ trẻ em

03 trung tâm đã phối hợp với Trung tâm công tác xã hội tỉnh An Giang để tìm gia đình thay thế cho trẻ; phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương để



đưa các đối tượng đủ điều kiện hoặc tự nguyện xin ra khỏi trung tâm trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI, TRỢ GIÚP ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ LÀ TRẺ EM CHƯA ĐƯỢC THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

I. Tại Sở Tư pháp

Trong thời kỳ thanh tra, Sở Tư pháp chưa chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc tổng kết, đánh giá hoạt động phối hợp giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang (ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh An Giang).

II. Tại các trung tâm bảo trợ xã hội được thanh tra

1. Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh An Giang

- Chưa xây dựng Quy chế sử dụng tài sản, Quy chế công khai tài chính, Quy chế kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Chưa ký hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

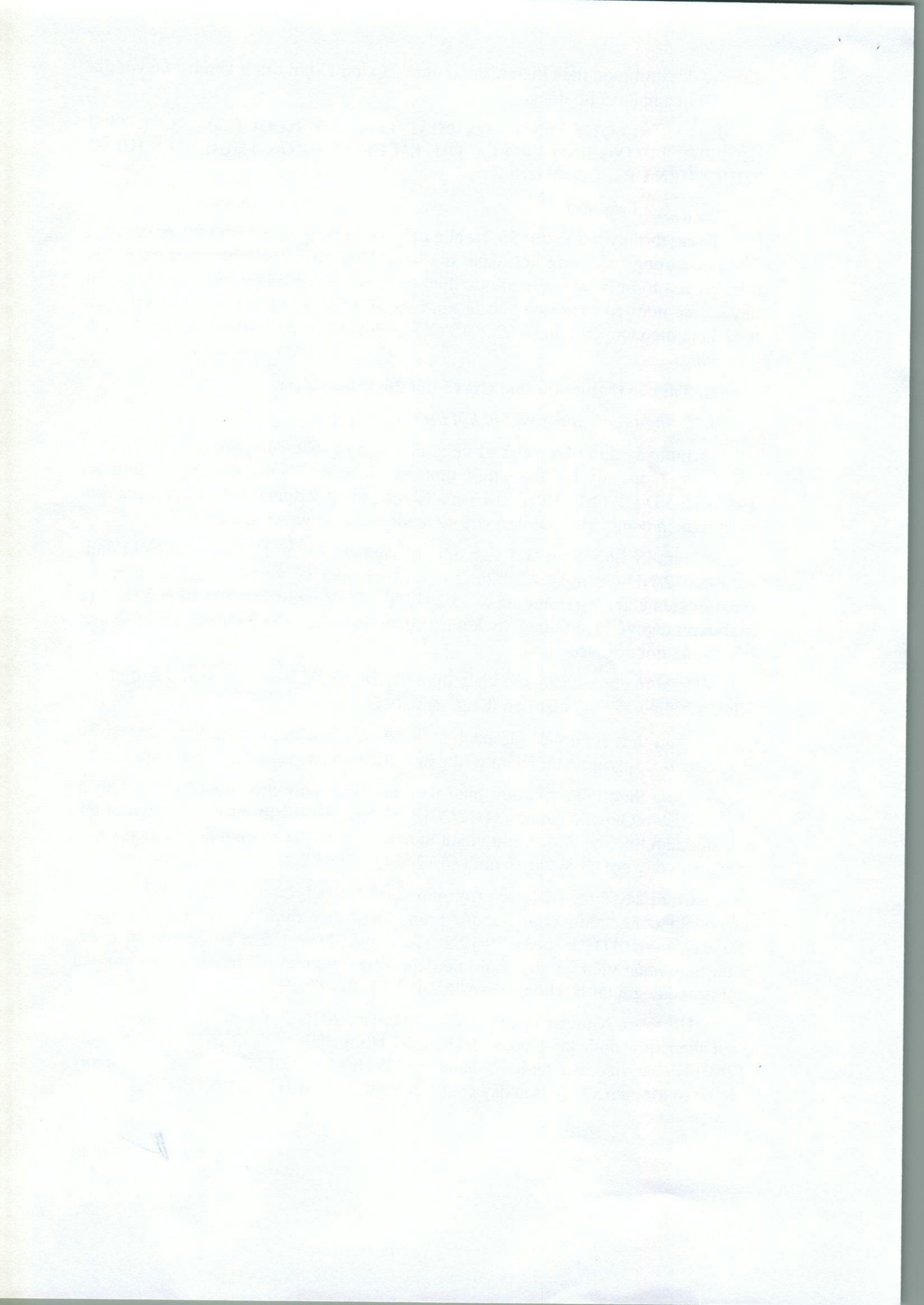
- Chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Chưa thực hiện việc lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế gửi Sở Tư pháp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

- Chưa thực hiện việc lưu mẫu thức ăn hàng ngày theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/12/2017 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1246/QĐ-BYT).

- Chưa xây dựng kế hoạch trợ giúp, lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng theo quy định tại Điều 6 Thông tư 33/2017/TT-BLĐTXH ngày 29/12/2017 về việc hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTXH).

- Hồ sơ trẻ Nguyễn Thanh Thuận, sinh năm 2016 không có bản sao giấy khai sinh theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 về việc quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 103/2017/NĐ-CP).



- Hồ sơ trẻ Cao Anh Kỳ, sinh năm 2006 không có đơn của người giám hộ và văn bản đề nghị của UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.

- Hóa đơn mua thực phẩm năm 2017 không có chữ ký của người mua theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc

- Chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Chưa thực hiện việc lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế gửi Sở Tư pháp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

- Chưa thực hiện việc lưu mẫu thức ăn hàng ngày theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT.

- Chưa xây dựng kế hoạch trợ giúp, chưa lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTXH.

- Hồ sơ trẻ Võ Tấn Lộc, sinh năm 2009; Nguyễn Bảo An, sinh năm 2016; Nguyễn Thị Nguyên, sinh năm 2011 không có biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội và văn bản đề nghị của UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

3. Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn

- Chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Chưa thực hiện việc lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế gửi Sở Tư pháp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

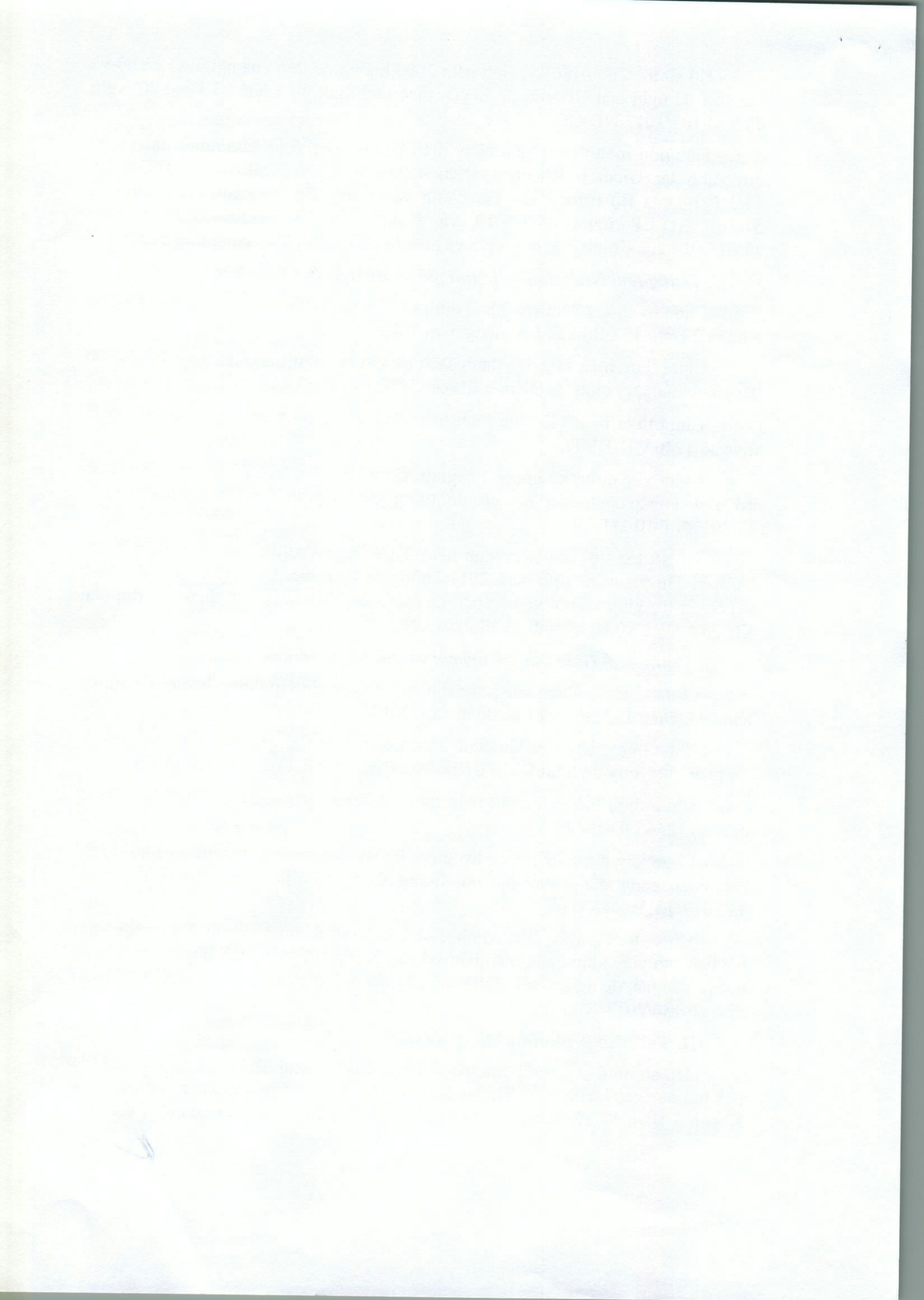
- Chưa thực hiện việc lưu mẫu thức ăn hàng ngày theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT.

- Chưa xây dựng kế hoạch trợ giúp, lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng theo quy định tại Điều 6 Thông tư 33/2017/TT-BLĐTXH.

- Hồ sơ trẻ Nguyễn Đức Minh, sinh năm 2003 không có đơn của người giám hộ, bản sao giấy khai sinh, biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội và văn bản đề nghị của UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

III. Tại UBND phường Đông Xuyên

- Hồ sơ nuôi con nuôi của trẻ Nguyễn Thị Phương Thùy không có Phiếu lý lịch tư pháp của bà Nguyễn Thị Bé Sáu (người xin nhận nuôi trẻ) theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi; không có thông báo của cha, mẹ nuôi



về tình hình phát triển của con nuôi và quá trình theo dõi việc nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 23 của Luật Nuôi con nuôi.

- Hồ sơ nuôi con nuôi của trẻ Trần Văn Trọng, trẻ Lê Thị Hoài Thương, trẻ Phan Khánh Ngọc và trẻ Võ Thị Thùy Linh không có thông báo về tình hình phát triển của con nuôi và quá trình theo dõi việc nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 23 của Luật Nuôi con nuôi.

- Hồ sơ nuôi con nuôi của trẻ Phan Khánh Ngọc không có bản sao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi của trẻ.

- Hồ sơ nuôi con nuôi của trẻ Võ Thị Thùy Linh không có giấy khám sức khỏe của trẻ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi.

C. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị về xử lý trách nhiệm

Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang; Giám đốc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh An Giang; Giám đốc Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc; Giám đốc Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên, Chủ tịch UBND phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm xác định trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm (nếu có) và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với những hành vi gây ra những hạn chế, thiếu sót nêu tại Phần B Kết luận thanh tra này.

2. Kiến nghị khắc phục thiếu sót, sai phạm

2.1. Đối với Giám đốc Sở Tư pháp

Hàng năm, chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc tổng kết, đánh giá hoạt động phối hợp giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang (ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh An Giang).

2.2. Đối với Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

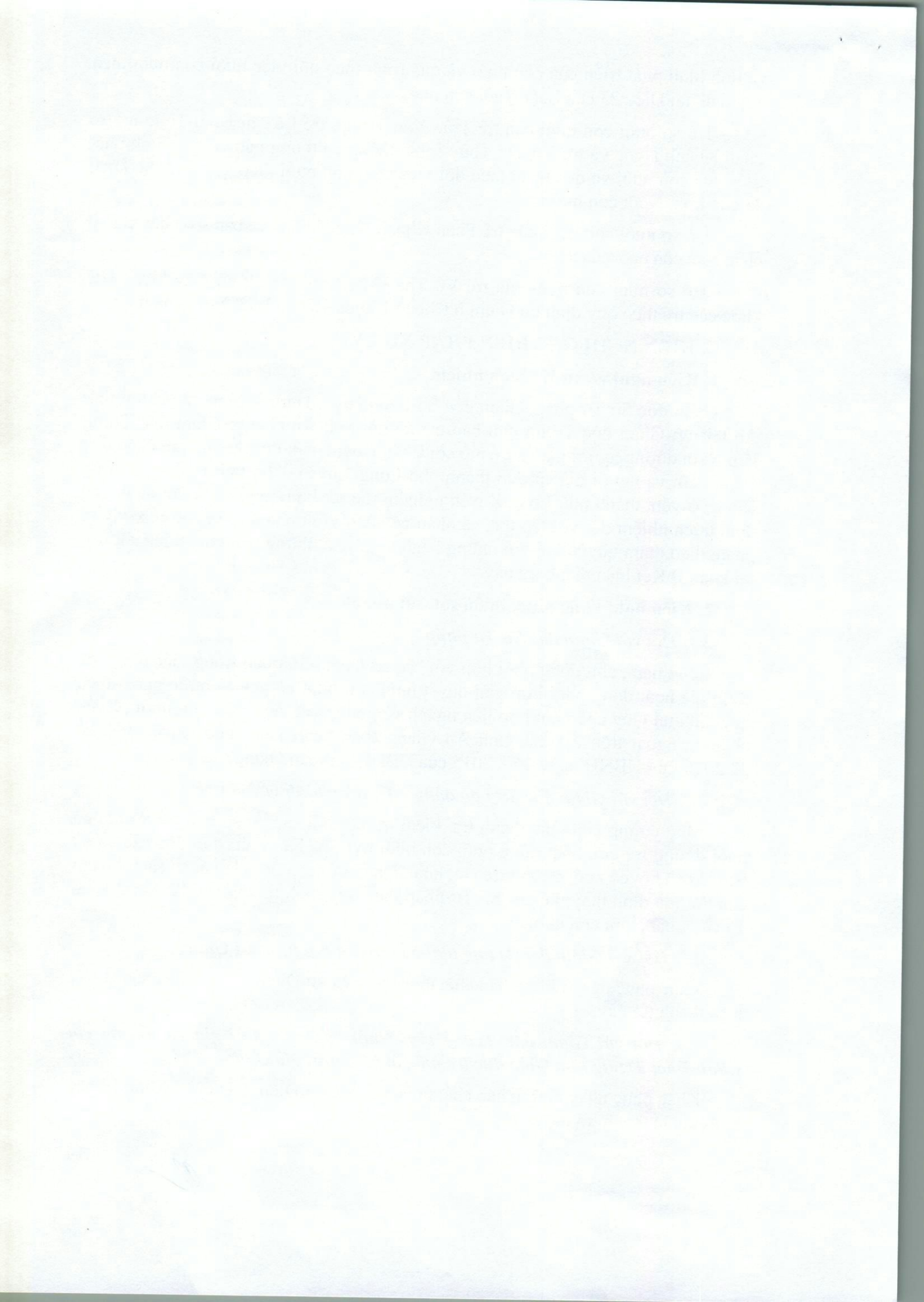
Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở bảo trợ xã hội có nuôi dưỡng trẻ em, hoạt động nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh; đôn đốc các cơ sở bảo trợ xã hội có nuôi dưỡng trẻ em, hoạt động nuôi con nuôi lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế gửi Sở Tư pháp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

2.3. Đối với Giám đốc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh An Giang

Khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót nêu tại Điểm 1, Mục II, Phần B Kết luận thanh tra này.

2.4. Đối với Giám đốc Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi Châu Đốc; Trung tâm Giáo dục trẻ mồ côi và người già cô đơn

Khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót nêu tại Điểm 2 Điểm 3 Mục II Phần B Kết luận thanh tra này.



2.5. Đối với Chủ tịch UBND phường Đông Xuyên

Khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót nêu tại Mục III phần B Kết luận thanh tra này.

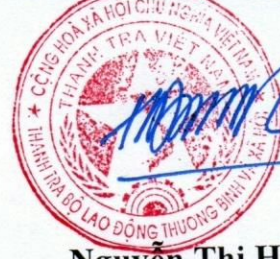
D. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang thực hiện kiến nghị nêu tại Điểm 2.2 Khoản 2 Phần C và đôn đốc các đơn vị liên quan trong việc thực hiện kiến nghị nêu tại Phần C Kết luận thanh tra này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 01/6/2019. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh An Giang (để chỉ đạo);
- Sở LĐTBXH tỉnh An Giang (để t/h);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để chỉ đạo);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Chánh thanh tra Bộ (để b/c);
- Chánh thanh tra Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

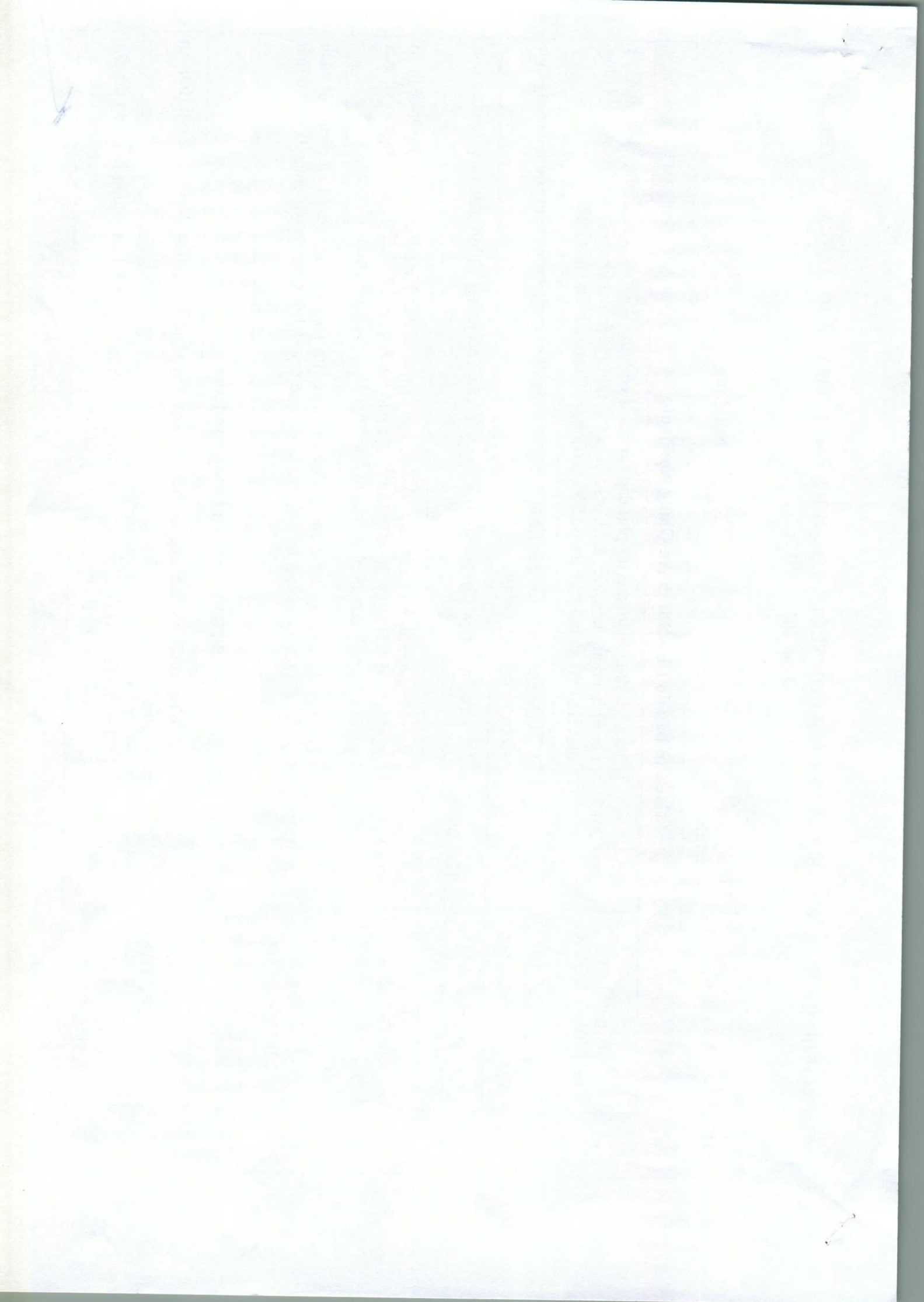


Nguyễn Thị Hồng Diệp

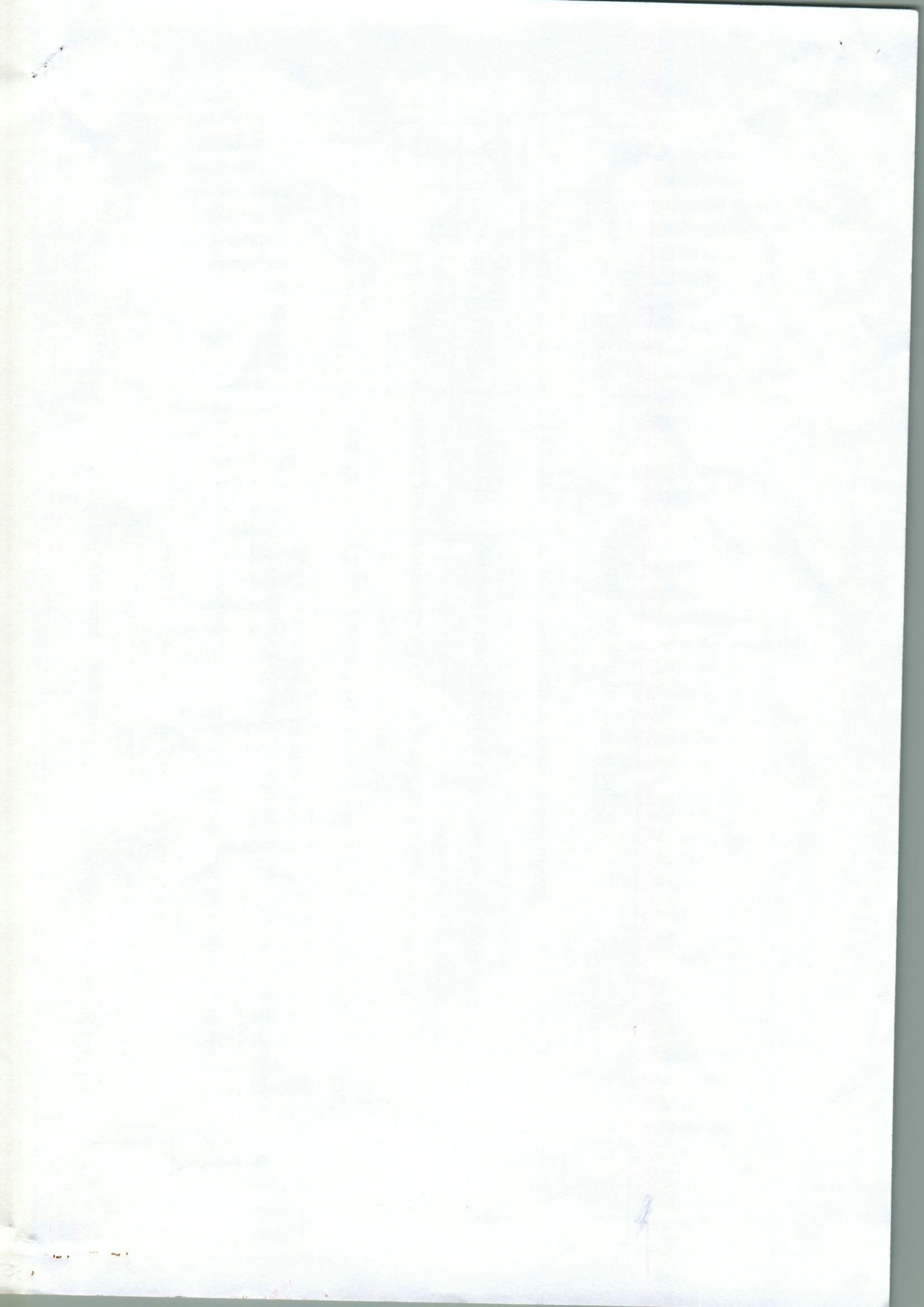


**Phụ lục số 01: DANH MỤC VĂN BẢN VỀ NUÔI CON NUÔI, TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG LÀ TRẺ EM
(Năm 2017 - 2018)**

Stt	Văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
Các văn bản do UBND tỉnh An Giang ban hành			
1	Công văn số 466/UBND-KGVX	27/3/2017	Về việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang và Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Công văn số 714/UBND-KGVX	05/5/2017	Về việc nâng mức trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng được chăm sóc tại Trung tâm và cơ sở bảo trợ xã hội
3	Văn bản số 394/UBND-NC	12/4/2018	Về việc thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc nuôi con nuôi
4	Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND	03/01/2019	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐUB ngày 22/8/2015 về việc ban hành quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang
5	Quyết định số 101/QĐ-UBND	16/01/2018	Trợ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người có công với cách mạng, đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội và kính phí chúc Tết Mậu tuất năm 2018
Các văn bản do Sở LĐTBXH tỉnh An Giang ban hành			
1	Quyết định số 107/QĐ-SLĐTBXH	25/5/2011	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang
2	Công văn số 2359/SLĐTBXH	22/11/2017	Rà soát, nhập số liệu bổ sung các thông tin phần mềm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đối tượng tại các trung tâm trợ giúp xã hội.



3	Công văn số 2128/SLĐTBXH- BTXH	24/9/2018	Về việc tăng cường thực hiện công tác nuôi con nuôi tại địa phương
Các văn bản do Sở Tư pháp tỉnh An Giang ban hành			
1	Công văn số 687/STP- HCTP	21/6/2017	Về việc quản triệt một số vấn đề liên quan đến việc đăng ký nuôi con nuôi
2	Công văn số 801/STP- HCTP	14/7/2017	Về việc hướng dẫn việc ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
3	Công văn số 940/STP- HCTP	08/8/2017	Về việc giải quyết vướng mắc, yêu cầu nhận trẻ bị bỏ rơi làm con nuôi
4	Công văn số 1391/STP-HCTP	15/11/2017	Hướng dẫn đăng ký khai sinh và đăng ký nuôi con nuôi
5	Công văn số 311/STP- HCTP	28/3/2018	Quản triệt thực hiện Công ước Lahay và Luật Nuôi con nuôi
6	Công văn số 393/STP- HCTP	13/4/2018	Hướng dẫn nghiệp vụ nuôi con nuôi thực tế
7	Công văn số 992/STP- HCTP	12/9/2018	Hướng dẫn nghiệp vụ nuôi con nuôi



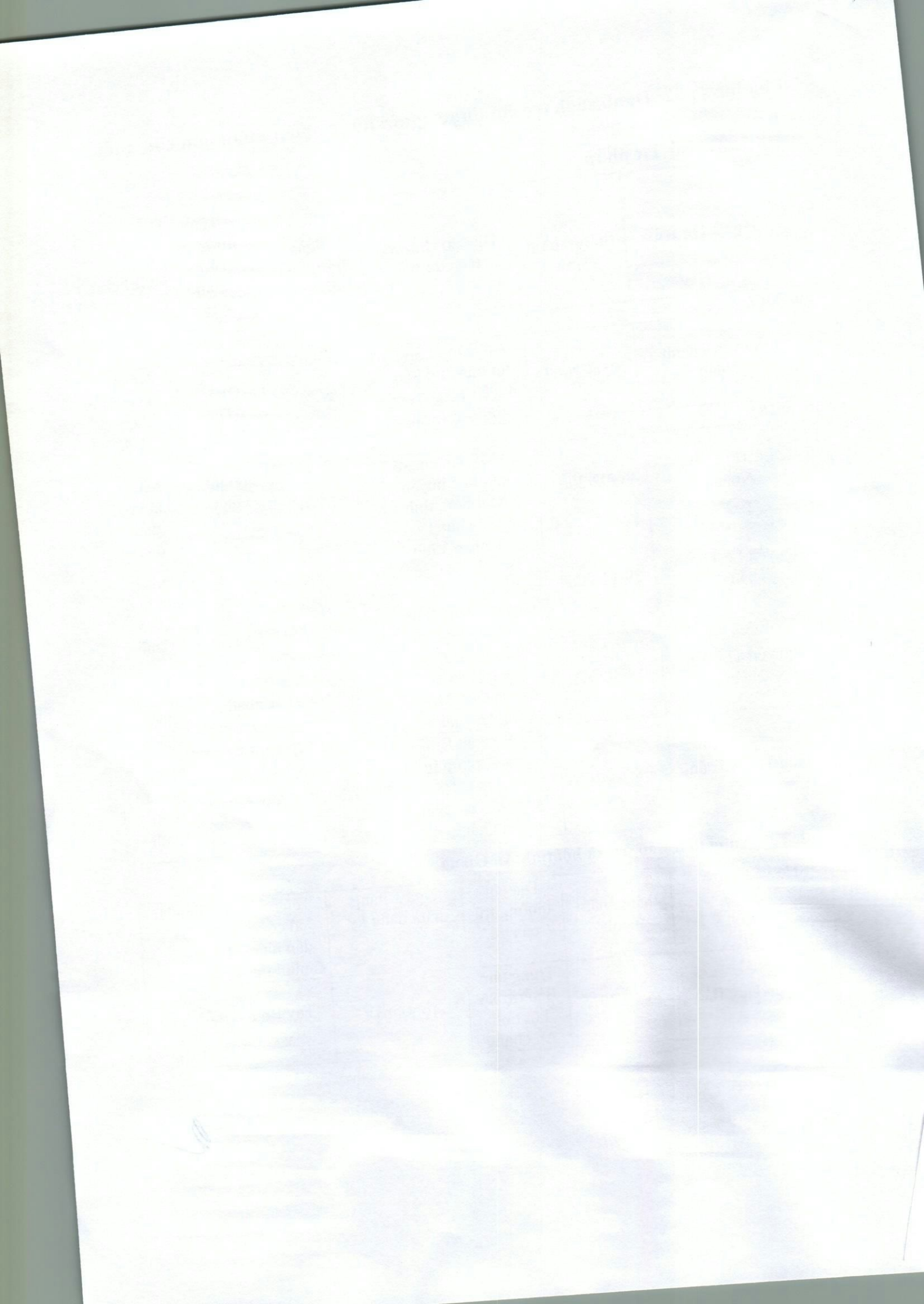
Phụ lục số 02: Danh sách trẻ em được người nước ngoài nhận làm con nuôi

1. Tại Sở Tư pháp

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày, tháng, năm đăng ký	Tên nước có công dân nhận nuôi trẻ	Ghi chú
Năm 2017						
1	Nguyễn Thanh Ngân	05/4/2007	Ấp Đông Sơn I, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	31/5/2017	Trung Quốc (Đài Loan)	Nhận con nuôi đích danh
Năm 2018						
1	Lê Thị Hồng Nhung	26/02/2004	Ấp Mỹ Thành, xã Định mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	31/01/2018	Trung Quốc (Đài Loan)	Nhận con nuôi đích danh
2	Nguyễn Lê Trường Duy	29/11/2004	Tổ 10 ấp Vĩnh Hoà A, xã Cán Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	02/4/2018	Trung Quốc (Đài Loan)	Nhận con nuôi đích danh
3	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/5/2011	Ấp Long Tân, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	25/6/2018	Canada	Nhận con nuôi đích danh
4	Trần Thiên Toàn	28/7/2011	Số 59 khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	24/12/2018	Australia	Nhận con nuôi đích danh

2. Tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày tháng năm đăng ký	Tên nước có công dân nhận nuôi trẻ	Ghi chú
1	Nguyễn Duy Bảo	25/12/2015	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang	12/5/2017	Tây Ban Nha	Nhận con nuôi đích danh



**Phụ lục số 03: Danh sách trẻ em được công dân Việt Nam
thường trú tại Việt Nam nhận làm con nuôi**

1. Tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày, tháng, năm đăng ký	Ghi chú
Năm 2017					
1	Nguyễn Thị Phương Thùy	4/8/2016	P. Đông Xuyên- TP Long Xuyên -AG (Giấy Chứng sinh)	03/3/2017	Nhận con nuôi đích danh
2	Lê Thị Hoài Thương	29/7/2016	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang	04/4/2017	Nhận con nuôi đích danh
3	Phan Khánh Ngọc	11/10/2016	Tân Phong- Ba Tri- Bến Tre (Giấy Chứng sinh)	04/4/2017	Nhận con nuôi đích danh
4	Võ Thị Thùy Linh	31/12/2016	P. Mỹ Long- TP Long Xuyên- AG (Giấy Chứng sinh)	04/8/2017	Nhận con nuôi đích danh
Năm 2018					
1	Nguyễn Gia Thịnh	17/9/2017	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang	31/01/2018	Nhận con nuôi đích danh
2	Nguyễn Gia Hỷ	17/9/2017	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang	27/4/2018	Nhận con nuôi đích danh
3	Thành Công Con	20/4/2018	P. Mỹ Phước- TP Long Xuyên- AG (Giấy Chứng sinh)	12/10/2018	Nhận con nuôi đích danh
4	Phạm Tâm Như	19/7/2018	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang	30/11/2018	Nhận con nuôi đích danh



2. Tại Trung tâm Giáo dục trẻ em mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày, tháng, năm đăng ký	Ghi chú
1	Trần Phước Hòa	23/10/2010	Trung tâm giáo dục trẻ em mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên	05/6/2018	Nhận con nuôi đích danh
2	Lê Nguyệt Hằng	19/8/2018	Trung tâm giáo dục trẻ em mồ côi và người già cô đơn thành phố Long Xuyên	11/01/2019	Nhận con nuôi đích danh

3. Tại UBND phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày, tháng, năm đăng ký	Ghi chú
1	Nguyễn Trần Minh Khôi	20/10/2016	Số 222/7, khóm Phó Quế, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên	05/02/2018	Nhận con nuôi đích danh

4. Tại UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày, tháng, năm đăng ký	Ghi chú
1	Thạch Ngọc Minh	30/12/2017	Xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên	10/5/2018	Nhận con nuôi đích danh
2	Trần Thị Huỳnh Lam	18/10/2017	Xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên	28/9/2018	Nhận con nuôi đích danh

5. Tại phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên

Số tt	Họ và tên trẻ	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú của trẻ	Ngày, tháng, năm đăng ký	Ghi chú
1	Trần Văn Trọng	27/11/2007	Số 15/2C đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên	01/8/2017	Nhận con nuôi đích danh
2	Dương Thành Công	26/4/2018	Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân	12/10/2018	Nhận con nuôi đích danh

